

Số:3891 /QĐ-UBND

Lạng Giang, ngày 15 tháng 7 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương Quý II năm 2022**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai NSNN đối với các cấp ngân sách;*

*Căn cứ Nghị quyết số 82/NQ-HĐND ngày 15/12/2021 của HĐND huyện khóa XX, kỳ họp thứ 3 về dự toán ngân sách nhà nước và phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính- Kế hoạch huyện tại Tờ trình số 289/TTr-TCKH ngày 15 tháng 7 năm 2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương Quý II năm 2022 của huyện Lạng Giang (đính kèm mẫu biểu số 93/CK-NSNN; 94/CK-NSNN; 95/CK-NSNN; Báo cáo thuyết minh).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Thủ trưởng các cơ quan thuộc UBND huyện, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính Bắc Giang;
- Thường trực Huyện ủy, TT. HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- LĐVP, TH;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Bằng**



**ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ II NĂM 2022**  
(Kèm theo Quyết định số 3891 /QĐ-UBND ngày 15 /7/2022 của Chủ tịch UBND huyện Lạng Giang)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán huyện giao	Thực hiện quý II/2022	SS TH với (%)	
				DT năm huyện giao	Cùng kỳ năm trước
	<b>TỔNG CHI NS HUYỆN (đã trừ tiết kiệm)</b>	<b>1.490.162</b>	<b>1.242.669</b>	<b>83</b>	<b>213</b>
<b>A</b>	<b>CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN</b>	<b>1.011.784</b>	<b>904.326</b>	<b>89</b>	<b>285</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>409.200</b>	<b>622.816</b>	<b>152</b>	<b>1.030</b>
1	Chi đầu tư XD CB, GPMB	399.200	620.316	155	1.043
2	Chi trả nợ vốn vay tín dụng ưu đãi (XD CB)				
3	Chi đầu tư khác (công tác quy hoạch SD đất)	10.000	2.500	25	256
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>579.765</b>	<b>273.558</b>	<b>47</b>	<b>110</b>
1	Chi sự nghiệp Kinh tế + Môi trường	53.401	28.523	53	142
2	Chi sự nghiệp Giáo dục	408.344	180.595	44	102
3	Chi sự nghiệp Đào tạo	1.818	650	36	103
4	Chi SN Văn hoá - Thể thao	3.508	2.133	61	94
5	Chi sự nghiệp Phát thanh truyền hình	1.617	770	48	103
6	Chi đảm bảo xã hội	68.937	37.500	54	141
7	Chi quản lý hành chính, đảng, đoàn thể, các hội	29.466	15.599	53	102
8	Chi an ninh - Quốc phòng địa phương	8.703	4.971	57	123
9	Chi mua báo đăng	1.987	950	48	207
10	Chi khác ngân sách	1.984	1.867	94	178
<b>III</b>	<b>Chi dự phòng</b>	<b>20.993</b>	<b>7.173</b>	<b>34</b>	<b>82</b>
<b>IV</b>	<b>Chi thi đua, khen thưởng</b>	<b>1.827</b>	<b>779</b>	<b>43</b>	
<b>B</b>	<b>CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MT CỦA TỈNH</b>				
<b>C</b>	<b>CHI QUAN HỆ CÁC CẤP NGÂN SÁCH</b>	<b>478.378</b>	<b>338.343</b>	<b>71</b>	<b>127</b>
1	Chi bổ sung cho ngân sách xã, thị trấn	137.717	84.241	61	123
	Bao gồm: + Chi Bổ sung cân đối (đã trừ 10%)	106.942	53.024	50	96
	+ Chi bổ sung có mục tiêu	30.775	31.217		229
2	Các khoản điều tiết các cấp ngân sách	340.661	254.102	75	129
2.1	Điều tiết ngân sách tỉnh, TW	241.107	166.172	69	173
2.2	Điều tiết ngân sách xã	99.554	87.930	88	87

**CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ II NĂM 2022**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2022 của Chủ tịch UBND huyện Lạng Giang)

ĐVT: triệu đồng

STT	Nội dung	DT huyện giao	Thực hiện quý II/2022	SS TH với (%)	
				Dự toán năm huyện giao	Cùng kỳ năm trước
<b>A</b>	<b>CÁC KHOẢN THU NSDP</b>	<b>1.505.892</b>	<b>2.565.556</b>	<b>170</b>	<b>180</b>
<b>I</b>	<b>Thu NSDP được hưởng theo phân cấp</b>	<b>920.457</b>	<b>736.599</b>	<b>80</b>	<b>78</b>
1	Các khoản thu được hưởng 100%	11.793	12.609	107	201
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (%)	908.664	723.990	80	77
<b>II</b>	<b>Thu bổ sung từ cấp trên</b>	<b>585.435</b>	<b>343.509</b>	<b>59</b>	<b>121</b>
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	566.832	283.300	50	131
2	Thu bổ sung có mục tiêu	18.603	60.209	324	88
<b>III</b>	<b>Thu kết dư</b>				
<b>IV</b>	<b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>		<b>1.485.448</b>		
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>1.011.784</b>	<b>904.326</b>	<b>89</b>	<b>285</b>
<b>I</b>	<b>Chi cân đối NSDP</b>	<b>1.011.784</b>	<b>904.326</b>	<b>89</b>	<b>285</b>
1	Chi đầu tư phát triển	409.200	622.816	152	1.030
2	Chi thường xuyên	579.765	273.558	47	110
3	Trích lập Quỹ thi đua, khen thưởng	1.827	779	43	
4	Chi dự phòng	20.993	7.173	34	82
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn bổ sung có MT từ NS cấp trên</b>				

## ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ II NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2022 của Chủ tịch UBND huyện Lạng Giang)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	DT huyện giao	Thực hiện quý II/2022	SS TH với (%)	
				DT năm huyện giao	Cùng kỳ năm trước
<b>A</b>	<b>TỔNG SỐ THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>920.457</b>	<b>736.599</b>	<b>80</b>	<b>78</b>
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>	<b>920.457</b>	<b>736.599</b>	<b>80</b>	<b>78</b>
1	Thu ngoài QĐ (cá nhân SX, KD HH DV)	79.000	101.231	128	262
2	Thuế thu nhập cá nhân	18.500	44.321	240	355
3	Thuế bảo vệ môi trường				
4	Lệ phí trước bạ	63.500	46.909	74	158
5	Thu phí, lệ phí	6.200	6.200	100	161
6	Các khoản thu về nhà, đất	739.300	523.700	71	61
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp				
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1.300	1.024	79	171
-	Thu tiền sử dụng đất	730.000	515.000	71	61
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	8.000	7.676	96	201
-	Tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu NN				
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	657	2.887	439	458
8	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	1.845	1.031	56	69
9	Thu khác bằng biện pháp tài chính	11.455	10.320	90	184
-	Thu phạt ATGT	5.000	2.006	40	100
-	Thu phạt, thu khác	2.000	1.060	53	122
-	Thu do cơ quan tỉnh, huyện thực hiện	3.500	6.224	178	364
-	Thu khác của xã + Thu sự nghiệp + đóng góp	955	1.030	108	102
<b>II</b>	<b>Thu viện trợ</b>				
<b>B</b>	<b>TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC</b>	<b>1.505.892</b>	<b>2.565.556</b>	<b>170</b>	<b>180</b>
<b>I</b>	<b>CÁC KHOẢN THU NGÂN SÁCH ĐP</b>	<b>1.505.892</b>	<b>2.565.556</b>	<b>170</b>	<b>180</b>
-	Các khoản thu được hưởng 100%	11.793	12.609	107	201
-	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (%),	908.664	723.990	80	77
-	Thu bổ sung ngân sách cấp trên	585.435	343.509	59	121
+	Thu bổ sung cân đối	566.832	283.300	50	131
+	Thu bổ sung có mục tiêu	18.603	60.209	324	88
-	Thu kết dư				
-	Thu chuyển nguồn		1.485.448		751
<b>II</b>	<b>KHOẢN THU ĐƯỢC ĐỂ LẠI CHI QL QUA NSNN</b>	-	-		